TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2022.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trịnh Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận BT, thành phố C. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Bình S

Địa chỉ: Ấp N, xã NN, huyện CA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày: Bà và ông Trần Ngọc Bình S quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới tại địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NN, huyện CA, tỉnh H vào năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách chăm sóc gia đình, đến năm 2007 thì bà và ông S đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc Bình S.

Về con chung: Bà và ông S chung sống với nhau chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không có yêu cầu

Về nợ chung: Không có nên không có yêu cầu

Bị đơn ông Trần Ngọc Bình S quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Bà Phạm Thị Kim L, ông Trần Ngọc Bình S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Ngọc Bình S, hiện tại có nơi cư trú tại ấp N, xã NN, huyện CA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L và bị đơn ông Trần Ngọc Bình S được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông S chung sống với nhau từ năm 2006, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho ông, bà được đoàn tụ nhưng ông S không tham dự. Bà L kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng bà L và ông S đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay vẫn không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Ngọc Bình S.

[2]. Về con chung: Bà Phạm Thị Kim L khai nhận bà và ông S chung sống không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Phạm Thị Kim L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Ngọc Bình S.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0011868 ngày 20/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà Phạm Thị Kim L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim L, ông Trần Ngọc Bình S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A;
- UBND xã NN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn